

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 07:2016/BXD về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị và thẩm định của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035.

2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch chung:

- Phạm vi nghiên cứu: Khu vực nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 bao gồm toàn bộ ranh địa giới hành chính của thị trấn Hưng Lợi, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thị trấn Phú Lộc;
- + Phía Đông Nam giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- + Phía Tây và phía Nam giáp xã Châu Hưng;
- + Phía Bắc giáp xã Thạnh Trị và xã Vĩnh Thành.
- Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch: 1.943,87 ha.

3. Tính chất đô thị:

Là thị trấn thuộc huyện, được đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng đô thị cấp thị trấn, hướng đến đô thị văn minh hiện đại. Định hướng phát triển đa ngành: thương mại dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, v.v... với chủ đạo là chuyển đổi nông nghiệp bền vững, hiện đại và dịch vụ, công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

(Tính chất, chức năng đô thị sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung).

4. Các chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

a) Dự báo về quy mô dân số:

Theo các cơ sở dự báo và tính toán quy mô dân số thị trấn Hưng Lợi trong các giai đoạn phát triển như sau:

- Đến năm 2025: Dự báo dân số khoảng 10.500 - 11.300 dân.
- Đến năm 2030: Dự báo dân số khoảng 12.000 - 13.100 dân.
- Đến năm 2035: Dự báo dân số khoảng 14.500 - 15.500 dân.

b) Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai:

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị: 70 - 100 m²/người;
- Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: 45 - 55 m²/người;
- Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị: ≥ 4 m²/người.

c) Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị tối thiểu tính đến đường phân khu vực 18%.
- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị 100 lít/người/ngày đêm.
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị phát sinh $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh 0,8 kg/người-ngày.
- Tiêu chuẩn phụ tải điện sinh hoạt 330W/người; chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, dịch vụ 30% phụ tải điện sinh hoạt.

(Dự báo quy mô dân số, đất đai và các chỉ tiêu cơ bản này sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn).

5. Các yêu cầu, nguyên tắc và nội dung nghiên cứu quy hoạch:

Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

6. Hồ sơ sản phẩm:

a) Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng, thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ hiện trạng, thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở các tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất, thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án), thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị, thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch, thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- Các bản vẽ thiết kế đô thị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

Lưu ý: Tất cả các bản đồ quy hoạch phải được thể hiện trên bản đồ nền

địa hình tỉnh Sóc Trăng có nguồn từ Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và được lồng ghép với bản đồ giải thửa trên toàn ranh giới quy hoạch; các điểm mốc định vị ranh giới quy hoạch, ranh giới các dự án, tuyến đường quy hoạch nằm trong vùng quy hoạch phải xác định tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000).

b) Văn bản:

- Thuyết minh quy hoạch;
- Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bảng biểu, số liệu tính toán thể hiện kết quả nêu tại thuyết minh; bản vẽ khổ A3; văn bản pháp lý liên quan);
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;
- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

c) Tập tin lưu trữ hồ sơ quy hoạch.

7. Dự toán chi phí lập điều chỉnh quy hoạch chung: 2.458.836.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

8. Nguồn vốn: Ngân sách huyện Thạnh Trị.

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- Đơn vị tư vấn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định.

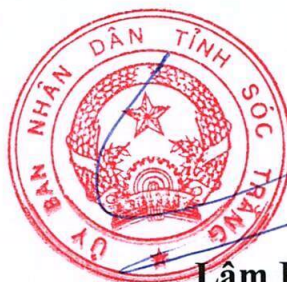
Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /*tr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trang TTĐT VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



lamhoangngiep
Lâm Hoàng Nghiệp